

Bản án số: 57/2018/HS-PT

Ngày 03 - 8 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Hương

Các Thẩm phán: Ông K'Tiêng và ông Nguyễn Tài Sử

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tô Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2018/TLPT-HS ngày 09 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐXXPT-HS ngày 23 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo: Nguyễn Đức T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2018/HS-ST ngày 25-5-2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1981 tại tỉnh Quảng Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Tiểu khu 1528, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T (đã chết) và con bà Phạm Thị T, sinh năm 1950; chung sống với chị Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1993 (không đăng ký kết hôn) và 01 con, sinh năm 2011; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2014/HS-ST ngày 25-02-2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 09 tháng 09 ngày tù về tội “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai”, đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 25-02-2014 nhưng chưa đóng án phí 200.000 đồng và tiền truy thu sung quỹ nhà nước 5.000.000 đồng; bị bắt tạm giam từ ngày 07-11-2017 - Có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K; địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hồng H - Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1986; Chức vụ: Trưởng ban Quản lý dự án Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng K - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức T có hộ khẩu thường trú tại ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương là đối tượng đã có 01 tiền án về tội “*Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai*”, theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 199 nhưng chưa được xóa án tích. Vào đầu năm 2016, sau khi chấp hành án phạt tù về Nguyễn Đức T vào khu vực đất tại Khoảnh 9, Tiểu khu 1528, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông là đất thuộc quyền quản lý của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng K (gọi tắt là Công ty K) được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông cho thuê đất sử dụng thực hiện dự án đầu tư sản xuất nông - lâm nghiệp theo Quyết định số: 1882/QĐ-UBND ngày 22-12-2008, lần chiếm diện tích khoảng 03 ha để canh tác và sử dụng trái phép, cụ thể như sau:

Đầu năm 2016, bị cáo cùng với Phạm Việt A, trú tại Thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước lần chiếm trái phép khoảng 06 ha diện tích đất tại Khoảnh 9, Tiểu khu 1528, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông sau khi lần chiếm diện tích đất trên Phạm Việt A đã chia cho Nguyễn Đức T 3,1 ha, giữa hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng không có giấy tờ, diện tích đất còn lại khoảng 03 ha Phạm Việt A đã chuyển nhượng trái phép cho người khác. Sau khi nhận đất từ Phạm Việt A, Nguyễn Đức T đã dựng căn nhà cấp 4, thưng bằng ván gỗ, mái lợp tôn, diện tích khoảng 75m² để chiếm giữ, sử dụng trái phép và canh tác trồng điều ghép và bơ ở phần đất trên.

Kết quả xác minh đo đạc hiện trạng diện tích đất mà bị cáo đã lần chiếm và sử dụng trái phép xác định: Diện tích là 3,1 ha nằm tại Lô 12, Khoảnh 9, Tiểu khu 1528 thuộc địa giới hành chính xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Diện tích đất trên thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của Công ty K (Theo Quyết định số: 1882/QĐ-UBND ngày 22-12-2008 của UBND tỉnh Đắk Nông).

Hiện trạng cây trồng và vật kiến trúc trên đất do bị cáo lần chiếm, sử dụng và canh tác trái phép có 775 cây điều (Trong đó: 290 cây điều chăm sóc năm thứ 2; 485 cây điều kinh doanh năm thứ 2); 56 cây bơ (Trong đó: 21 cây bơ chăm sóc năm thứ 1; 35 cây bơ chăm sóc năm thứ 2); 01 căn nhà cấp 4, thưng bằng ván gỗ, mái lợp tôn, diện tích khoảng 75m²; 01 chuồng gà thưng bằng ván gỗ, mái lợp tôn, diện tích 4x3m.

Ngày 08-01-2017, Công ty K có đơn tố giác về hành vi lần chiếm, sử dụng đất trái phép của bị cáo. Sau khi nhận được tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an huyện Tuy Đức tiến hành xác minh, xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2018/HS-ST ngày 25-5-2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “*Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Nguyễn Đức T 09 tháng tù. Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định biện pháp tư pháp, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 04-6-2018, bị cáo kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh và vấn đề xác minh tiền án đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đức T không thừa nhận Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xử phạt bị cáo về tội “*Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của Công ty K trình bày: Diện tích đất bị cáo lấn chiếm là đất của Công ty K được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông giao để thực hiện dự án đầu tư sản xuất và đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định của pháp luật.

Bị cáo trình bày lời bào chữa: Bị cáo khẳng định bị cáo không tái lấn chiếm đất trái phép của Công ty K mà đất do bị cáo khai hoang sử dụng để canh tác, ngoài ra đất của Công ty K đã bị Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông thu hồi đất nên Công ty không có thẩm quyền quản lý đất. Do đó, đề Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo về tội danh và vấn đề xác minh tiền án đối với bị cáo, 01 hành vi vi phạm không thể xét xử và kết án 02 lần. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo là oan sai và cần triệu tập thêm người làm chứng trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2018/HS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã kết án bị cáo Nguyễn Đức T về tội “*Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật và không oan.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Quá trình xét xử tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng tại các bút lục số 61 - 63, 70 - 73, 114 và 239 - 240 được thu thập trong hồ sơ vụ án thể hiện trong quá trình làm việc với Cơ quan điều tra và có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, bị cáo Nguyễn Đức T đã

thừa nhận có 3,1 ha đất do Phạm Việt A cho, sau đó bị cáo cùng với bà Đỗ Thị N cùng bỏ công và tiền để dựng công trình trên đất và canh tác trồng bơ, điều. Bà Đỗ Thị N và Phạm Việt A đều khai nhận diện tích đất trên là do Phạm Việt A và bị cáo Nguyễn Đức T lấn chiếm trái phép của Công ty K, sau đó Phạm Việt A chia cho bị cáo Nguyễn Đức T đất để bị cáo quản lý và sử dụng. Mặt khác, trong hồ sơ vụ án tại các bút lục số 29, 32, 34 và 36 thể hiện diện tích đất bị cáo Nguyễn Đức T và bà Đỗ Thị N đang canh tác và sử dụng có tọa độ trùng với tọa độ đất thuộc quyền quản lý của Công ty K tọa lạc tại Lô 12 Khu 9 Tiểu khu 1528. Do đó, có đủ cơ sở pháp lý để kết luận bị cáo Nguyễn Đức T đã lấn chiếm và sử dụng trái phép diện tích 3,1 ha đất của Công ty K quản lý.

Đối với quá trình xác minh tiền án của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Bị cáo đã bị kết án về tội “*Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai*”, ngày 25-02-2014 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, nhưng bị cáo chưa thực hiện nghĩa vụ đóng án phí hình sự sơ thẩm và tiền truy thu sung quỹ nhà nước. Ngày 14-3-2018, Công an xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương xác nhận bị cáo Nguyễn Đức T đã được xóa án tích. Tuy nhiên, tại bút lục số 209 ngày 23-4-2018 tại biên bản làm việc của Cơ quan điều tra với Công an xã V thể hiện ông Phan Thanh T - Trưởng Công an xã khẳng định: Do có nhiều hồ sơ, tài liệu cùng trình ký nên sơ suất không đọc kỹ hồ sơ mà nghĩ chỉ là đơn xin xác nhận lý lịch và quá trình sinh sống của bị cáo Nguyễn Đức T sau khi mãn hạn tù nên đã ký xác nhận. Tại các bút lục số 45 - 46, biên bản xác minh ngày 31-5-2017 và 23-10-2017 của Chi cục Thi hành án huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương khẳng định bị cáo Nguyễn Đức T chưa nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.000 đồng tiền truy thu sung quỹ Nhà nước. Mặt khác, tại bút lục số 207 - 208 ngày 23-4-2018, thể hiện bị cáo và gia đình chưa nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.000 đồng tiền truy thu sung quỹ Nhà nước. Do đó, bị cáo cho rằng đã được xóa án tích là không có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt và điều luật áp dụng.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 09 (Chín) tháng tù về tội “*Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai*”, tính từ ngày bắt tạm giam ngày 07-11-2017.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS - CA tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Tuy Đức;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- CA huyện Tuy Đức;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Quốc Hương